TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 214A/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị B**, sinh năm: 1986; địa chỉ: 39 Đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: **Anh Phan Quốc V**, sinh năm: 1977; địa chỉ: 91 Đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83,84, 107,108,110,116,117,118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị B và anh Phan Quốc V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị B và anh Phan Quốc V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Phan Tuấn H, sinh ngày 03/9/2009 và Phan Huy T, sinh ngày 09/3/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống cùng anh V.

Anh V và chị B thoả thuận: Giao 02 con chung Phan Tuấn Huy và Phan Huy Tuấn cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Chị B, anh V xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị B, anh V xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí**: Chị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2013/009063 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; chị B được hoàn trả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận Thành, thành phố H;
(ĐKKH số 106 ngày 27/9/2008)
- Lưu dán;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân